

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN KẾ TOÁN / BACHELOR OF ACCOUNTING
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KẾ TOÁN (ACCOUNTING)
MÃ NGÀNH/CODE:	7340301
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

CTĐT ngành Kế toán đào tạo về kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm toán và kiểm soát nhằm nâng cao năng lực hành nghề kế toán đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. CTĐT trang bị cho sinh viên **kiến thức ngành** cũng như **kiến thức nền tảng rộng**, các **kỹ năng và thái độ cần thiết** nhằm cung cấp nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của đất nước. CTĐT rèn luyện sinh viên những phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe tốt và nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện về kế toán, kỹ năng thực hành cơ bản, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán. CTĐT cũng chuẩn bị cho sinh viên làm việc trong lĩnh vực kế toán yêu cầu kiến thức nâng cao về nghiên cứu và quản lý nhà nước, có năng lực học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PG 1: Áp dụng được kiến thức ngành và kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.

PG 2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp kế toán.

PG 3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán.

PG 4: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học hiệu quả trong công việc.

PG 5: Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc.

1.3. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

Cử nhân ngành Kế toán có khả năng làm việc tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư, tổ chức phi chính phủ... với chức danh như kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, chuyên viên tài chính, giám đốc tài chính.

Cử nhân ngành Kế toán sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành chuyên gia tư vấn, định giá độc lập về kế toán, thuế, tài chính và giám đốc điều hành, chủ tịch ở các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước.

Cử nhân ngành Kế toán nếu được phát triển chuyên môn đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên và nghiên cứu viên trong các cơ sở giáo dục, đào tạo.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mã CDR
	<i>Sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán có khả năng:</i>	
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong bối cảnh doanh nghiệp và kinh tế-xã hội.	CDR 1
	Vận dụng được kiến thức toán kinh tế, thống kê, kinh tế học, quản lý học, hành vi tổ chức vào mô tả, giải thích, phân tích tổ chức để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.	CDR 2
	Vận dụng kiến thức về kế toán vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán trong các đơn vị.	CDR 3
	Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, kiểm soát và tài chính vào phân tích, đánh giá các hoạt động của đơn vị.	CDR 4
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Có kỹ năng phân biện, phê phán đối với việc áp dụng các chính sách và phương pháp kế toán trong các đơn vị.	CDR 5
	Có kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá và giải	CDR 6

CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mã CDR
	quyết vấn đề trong việc nhận diện, phân loại, đo lường, ghi nhận, lập và phân tích báo cáo kế toán trong các đơn vị.	
	Có các kỹ năng giao tiếp; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn trong công việc.	CDR 7
	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả và khả năng thích nghi cao trong công việc.	CDR 8
CDR Ngoại ngữ	Kỹ năng ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo Tiếng Anh (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc tương đương)	CDR 9
CDR Tin học	Kỹ năng tin học: Có kỹ năng cơ bản trong sử dụng các sản phẩm Microsoft Office: Word, Excel, PowerPoint (chứng chỉ tin học MOS/IC3/ICLD)	CDR 10
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có tinh thần trách nhiệm, tự chủ trong công việc; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân; trở thành công dân toàn cầu, tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc đạo đức; và có năng lực học tập suốt đời.	CDR 11

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	45	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	132	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kế toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kế toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
1.2. Các học phần của Trường				12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
1.3. Các học phần của ngành				12		
11	1	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	I	
12	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	II/III	KHMI1101 KHMA1101
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	I	
14	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economic and Business	TKKD1129	3	I	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				88		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
15	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101, TOKT1145, TKKD1129
16	2	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	KTTC1106	3	II	KTKE1101
17	3	Kế toán quản trị 1 Managerial Accounting 1	KTQT1103	3	III	KHMI1101
18	4	Kế toán công 1 Accounting for Public Sector 1	KTKE1109	3	IV	KTKE1101
19	5	Kiểm toán căn bản Basic Auditing	KTKI1101	3	V	KTKE1101 NHLT1107
2.2. Kiến thức ngành				45		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kế toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			30		
20	1	Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3	IV	KTTC1106
21	2	Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2	KTQT1104	3	IV	KTQT1103
22	3	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	KTTC1107	3	IV	KTTC1106
23	4	Kiểm toán tài chính 1 Financial Audit 1	KTKI1108	3	V	KTKI1101
24	5	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	KTTC1111	3	IV	KTKE1101
25	6	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	KTTC1114	3	V	KTTC1107
26	7	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1105	3	IV	KHMI1101
27	8	Kiểm soát nội bộ Internal Control	KTHT1105	3	III	KHMI1101; KHMA1101
28	9	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information Systems 1	KTHT1101	3	VI	KTTC1106; KTQT1103
29	10	Đề án môn học - Kế toán Essay on Accounting	KTTC1119	3	VII	KTTC1102
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		
30 31 32 33 34	1	Kế toán nâng cao 1 Advanced Accounting 1	KTTC1117	3	VI	KTTC1106
	2	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information Systems 2	KTHT1102	3	VI/ VII	KTHT1101
	3	Kiểm toán tài chính 2 Financial Auditing 2	KTKI1109	3	VI	KTKI1108
	4	Lịch sử kinh tế Economic History	KHEH1105	3	III/IV	
	5	Tiếng Anh ngành kế toán English for Accounting	KTTC1112	3	V/VI	KTTC1106, KTQT1103, KTKI1101
	6	Kế toán dự án đầu tư Investment Project Accounting	KTKE1107	3	VI/VII	KTKE1101
	7	Pháp luật kinh tế Economic Law	LUKD1185	3	II/III	LUCS1129
	8	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	II	KHMI1101
	9	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT1170	3	II/III	KHMI1101, KHMA1101
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kế toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
35 36 37 38 39 40	1	Kế toán chi phí Cost Accounting	KTQT1109	3	II/III	KHMI1101
	2	Kế toán nâng cao 2 Advanced Accounting 2	KTTC1118	3	VI/VII	KTTC1106
	3	Kế toán công 2 Accounting for Public Sector 2	KTKE1110	3	V	KTKE1109;
	4	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data Analytics for Accounting	KTHT1104	3	VI	KHMI1101; KHMA1101
	5	Kiểm soát quản lý Management Control	KTKI1105	3	VII	KTKI1101 KTQT1103
	6	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	III/IV	NHLT1107, KTTC1106
	7	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101
	8	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	III	Không có
	9	Thuế Taxation	NHCO1111	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101
	10	Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM1121	3	V	NHLT1107
	11	Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK1117	3	II/III	KHMA1101
41	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		KTTC1120	10	VII/VIII	KTTC1107, KTHT1101
Tổng số tín chỉ				132		

8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hữu Ánh

PGS.TS Phạm Hồng Chương